TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 9 - 2019.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trung

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Phạm Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu H – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại hội trường Tòa án huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2019/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1990. Vắng mặt.
Địa chỉ: Xóm A, xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 17/9/2019)
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Vắng mặt.
Địa chỉ: xóm B, xã DL, huyện DC tỉnh Nghệ An.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09/09/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Vũ Văn Tình trình bày:

Về hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào ngày 23/4/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã DL, huyện DC, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2015

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tỉnh cảm vợ chồng không còn. Nay anh Vũ Văn T xin ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Thị Quỳnh N, sinh ngày 25/6/2012 và Vũ Văn B, sinh ngày 12/4/2014. Hiện nay hai con chung đang ở với chị T. Ly hôn anh T đề nghị giao cả hai con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chi T mỗi con chung 1.000.000đ/tháng cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vũ Văn T đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng do bận công việc không thể tham gia được. anh T làm đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 09/9/2019 bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T thống nhất với nội dung quá trình kết hôn như anh Vũ Văn T trình bày là đúng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến cãi vã nhau. Vợ chồng mất tình cảm và sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay anh Vũ Văn T xin ly hôn thì chị Nguyễn Thị T cũng nhất trí ly hôn.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị T thống nhất vợ chồng có hai con chung họ tên ngày tháng năm sinh như anh T trình bày ở trên là đúng. Hiện nay hai con chung đang ở với chị T. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T do bận đi làm không thể đến tòa thực hiện các thủ tục tố tụng. Chị T làm đơn xin giải quyết vắng mặt

Tòa án tiến hành lấy lời khai cháu Vũ Thị Quỳnh N sinh ngày 25/6/2012. Cháu N đang học lớp 2 trường tiểu học xã DL. Bố mẹ ly hôn cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ.

- *Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các quy định tại các Điều 35, 39, 68, 95, 171, 196, 198, 203, 204, 205, 208, 210, 220 của BLTTDS. Tại phiên tòa HĐXX tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Các đương sự chấp hành đầu đủ các quy định của BLTTDS.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS. Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí tòa án.

Đề nghị HĐXX xử:

1. Về hôn nhân: Anh Vũ Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung. Giao con chung là Vũ Thị Quỳnh N, sinh ngày 25/6/2012 và Vũ Văn B, sinh ngày 12/4/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vũ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T mỗi con chung 1.000.000đ/tháng tính từ tháng 10 năm 2019 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Vũ Văn T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết..

4. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn chị Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại xóm B, xã DL, huyện DC, tỉnh Nghệ An, căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu - Nghệ An. Nguyên đơn anh Vũ Văn T và bị đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào ngày 23/4/2012 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã DL, huyện DC, tỉnh Nghệ An. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn. Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị T đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị T đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị T được ly hôn.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Thị Quỳnh N, sinh ngày 25/6/2012 và Vũ Văn B, sinh ngày 12/4/2014. Hiện nay hai con chung đang ở với chị T. Quá trình chị T nuôi dưỡng các con chung là Vũ Thị Quỳnh N và Vũ

Văn B phát triển thể chất và học tập được đảm bảo. Ly hôn anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị T thống nhất giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, việc thỏa thuận giữa anh T và chị T về việc nuôi con chung đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thỏa thuận về việc giao cả hai con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình "Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con". Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T có yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/mỗi con chung. Xét yêu cầu của anh T được cấp dưỡng nuôi con chung là chính đáng, việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ góp phần tạo điều kiện chăm sóc con chung của chị T được tốt hơn. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng con chung của anh T, việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 10/2019 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

[5]. Về quan hệ tài sản: Nguyên đơn anh Vũ Văn T bà bị đơn chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn anh Vũ Văn T phải chị án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Vũ Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Vũ Thị Quỳnh N, sinh ngày 25/6/2012 và Vũ Văn B, sinh ngày 12/4/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vũ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T mỗi tháng 1.000.000đ/ mỗi con chung tính từ tháng 10/2019 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Vũ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lại thu số AA/2018/0004765 ngày 19/8/2019. Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Vũ Văn Tình và bị đơn chị Nguyễn Thị Trà vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- THADS;
- Lưu VP, HS;
- UBND xã DL

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Đình Lâm